

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL ngày 13/4/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; và Quyết định số 2741/QĐ-BVHTTDL ngày 25/7/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 26/TTr-SVHTTDL ngày 24/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, và thay thế các Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về

việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng; Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực văn hóa, gia đình và du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; và Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng trong lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Công thông tin Điện tử tỉnh;
- Website VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KSTTHC.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Đoàn Văn Việt

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH LÂM ĐỒNG, SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)



A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực văn hóa					
1	<p>Cấp Giấy phép phổ biến phim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp Giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; 	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p>	<p>1. Thẩm định kịch bản phim:</p> <p>a) Kịch bản phim truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 4.500.000đ - Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. <p>b) Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 60 phút: 1.800.000 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL của Bộ VHTTDL ngày 19/9/2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh;

	<p>nhựa được phép phổ biến;</p> <p>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 60 phút: 1.800.000 - Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện. c) Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> 1) Kịch bản phim truyện: <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 7.200.000đ - Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. c.2) Kịch bản phim ngắn: <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 60 phút: 2.800.000đ - Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	---	--	--	---	--

				<p>bản phim truyện.</p> <p>2. Thẩm định và phân loại phim</p> <p>a) Phim thương mại:</p> <p>- Phim truyện:</p> <p>+ Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000đ</p> <p>+ Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập:</p> <p>+ Độ dài từ 151 đến 200 phút tính thành 02 tập.</p> <p>- Phim ngắn:</p> <p>- Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ</p> <p>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p>b) Phim phi thương mại:</p> <p>- Phim truyện:</p> <p>+ Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000đ</p>	
--	--	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> + Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập + Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập - Phim ngắn: + Độ dài đến 60 phút: 1.600.000đ + Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện. 	
2	Cấp Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Thẩm định kịch bản phim:</p> <p>a) Kịch bản phim truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 4.500.000đ - Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập: - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. <p>b) Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện ảnh số 62/2006/QH1; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL;

				khoa học, phim hoạt hình: - Độ dài đến 60 phút: 1.800.000 - Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện. c) Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài: 1) Kịch bản phim truyện: - Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 7.200.000đ - Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. c.2) Kịch bản phim ngắn: - Độ dài đến 60 phút: 2.800.000đ	- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
--	--	--	--	--	----------------------------------

				<p>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện.</p> <p>2. Thẩm định và phân loại phim</p> <p>a) Phim thương mại:</p> <p>- Phim truyện:</p> <p>+ Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000đ</p> <p>+ Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập:</p> <p>+ Độ dài từ 151 đến 200 phút tính thành 02 tập.</p> <p>- Phim ngắn:</p> <p>- Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ</p> <p>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p>b) Phim phi thương mại:</p> <p>- Phim truyện:</p> <p>+ Độ dài đến 100</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>phút (1 tập phim): 2.400.000đ</p> <p>+ Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>+ Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>- Phim ngắn:</p> <p>+ Độ dài đến 60 phút: 1.600.000đ</p> <p>+ Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p>	
3	Cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điều khác	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về hoạt động mỹ thuật;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về hoạt động mỹ thuật;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
4	Chấp thuận địa	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận tiếp nhận	Không quy định	- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng

	điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	và trả kết quả	<p>10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
--	--	----------------------------------	----------------	--

5	Cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
6	Cấp Giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
7	Cấp Giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời

					<p>trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
8	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3.000.000đ/Giấy phép	<p>- Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;</p> <p>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p>

					- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.500.000đ/Giấy phép	- Luật quảng cáo; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
10	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.500.000đ/Giấy phép	Như trên
11	Cấp Giấy phép tổ chức Lễ hội	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày

					<p>07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên Môi trường về hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ phát huy giá trị di tích;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
12	Cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
13	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;</p>

		đủ hồ sơ hợp lệ			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg.
14	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT.
15	Cấp Giấy chứng		Bộ phận tiếp nhận	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số

	<p>nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình</p>	<p>Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>và trả kết quả</p>	<p>02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn
--	--	--	-----------------------	---

					<p>và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20/02/2015;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
16	Đôi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 ; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
17	Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;

					- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
18	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 /03/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải

					<p>thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
II. Lĩnh vực du lịch					
1.	Công nhận điểm du lịch	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ</p>

					<p>Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL ngày 13/4/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung và TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
--	--	--	--	--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực văn hóa					
1	Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về hoạt động mỹ thuật;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính</p>

					<p>phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ VHTTDL Quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về hoạt động mỹ thuật;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL;</p> <p>- Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật, Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.</p>
2	Cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư 01/2018/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL; - Quyết định số 281/QĐ-UBND.
3	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
4	Cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
5	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc hoặc 20 ngày đối với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL; - Công văn số 259/UBND-VX ngày 14/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cấp phép Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài và cấp phép phần xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (phần mỹ thuật) trên địa bàn tỉnh.
6	Cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi

<p>diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>		<p>như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật: - Đến 50 phút: 1.500.000 (đồng) - Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000 (đồng) - Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000 (đồng) - Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000 (đồng) - Từ 201 phút trở lên: 5.000.000 (đồng) <p>Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia.</p>	<p>người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày
---	----------------------------------	--	--	---

					<p>05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
7	Tiếp nhận thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
8	Cấp Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả .	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định chương trình trên băng, đĩa, phần	<p>- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p>

	do các tổ chức thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu		<p>mềm và trên các vật liệu khác, như sau:</p> <p>a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Mỗi block có độ dài thời gian là 15 phút). - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Mỗi block có độ dài thời gian là 15 phút). <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với bản ghi âm: 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
--	---	--	---	---

				<p>+ Ghi dưới hoặc băng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc băng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình.</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000</p>	
--	--	--	--	---	--

				đồng/chương trình.	
9	Cấp Giấy phép tổ chức lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL; - Công văn số 259/UBND-VX.
10	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14

	trên bảng quảng cáo	hợp lệ			<p>tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL; - Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
11	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm c Khoản 1 Điều 36 của Luật quảng cáo; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
12	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	<p>Mức thu phí được quy định như sau:</p> <p>1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày

		việc	<p>300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần</p>	<p>16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012;</p> <p>- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 2741/QĐ-BVHTTDL ngày 25/7/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
--	--	------	--	--

				<p>thẩm định.</p> <p>3. Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định.</p> <p>4. Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định. - Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định. <p>5. Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.</p>	
13	<p>Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức tại địa phương</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p>	<p>Mức thu phí được quy định như sau:</p> <p>1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 260/2016/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;

				<p>phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p>	- Quyết định số 2741/QĐ-BVHTTDL.
--	--	--	--	--	----------------------------------

				<p>3. Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định.</p> <p>4. Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định. - Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định. <p>5. Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.</p>	
14	<p>Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu</p>	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p>	<p>Phí thẩm định nội dung văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 260/2017/TT-BTC;

				<p>300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>+ Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>+ Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần thẩm định.</p> <p>- Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>+ Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>+ Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>+ Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần</p>	<p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
--	--	--	--	---	--

				thẩm định. - Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định. - Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng: + Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định; + Đối với từ 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định. - Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.	
15	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1. Thẩm định kịch bản phim: a) Kịch bản phim truyện: - Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 4.500.000đ - Độ dài từ 101 -	- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;

				<p>150 phút tính thành 1,5 tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. <p>b) Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 60 phút: 1.800.000 - Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện. <p>c) Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài:</p> <p>1) Kịch bản phim truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 7.200.000đ - Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập 	- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
--	--	--	--	--	----------------------------------

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. c.2) Kịch bản phim ngắn: <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 60 phút: 2.800.000đ - Độ dài từ 61 phút trở lên thu như kịch bản phim truyện. 2. Thẩm định và phân loại phim <ul style="list-style-type: none"> a) Phim thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Phim truyện: <ul style="list-style-type: none"> + Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000đ + Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập: + Độ dài từ 151 đến 200 phút tính thành 02 tập. - Phim ngắn: <ul style="list-style-type: none"> - Độ dài đến 60 phút: 2.200.000đ 	
--	--	--	--	--	--

				<p>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p>b) Phim phi thương mại:</p> <p>- Phim truyện:</p> <p>+ Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000đ</p> <p>+ Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>+ Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>- Phim ngắn:</p> <p>+ Độ dài đến 60 phút: 1.600.000đ</p> <p>+ Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p>	
16	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Mức thu phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật như sau:</p> <p>* Độ dài thời gian của một chương</p>	<p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 288/2016/TT-BTC;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p>

				<p>trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đến 50 phút 1.500.000 (đồng); 2. Từ 51 đến 100 phút 2.000.000 (đồng); 3. Từ 101 đến 150 phút 3.000.000 (đồng); 4. Từ 151 đến 200 phút 3.500.000 (đồng); 5. Từ 201 phút trở lên 5.000.000 (đồng). <p>2. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:</p> <p>a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:</p> <p>- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng</p>	- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
--	--	--	--	---	----------------------------------

				<p>thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Mỗi block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Mỗi block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc băng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình.</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>3. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy</p>	
--	--	--	--	--	--

				phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.	
17	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000; - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện; - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/01/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, ngày 01/202/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
18	Cấp Giấy phép kinh doanh vũ trường	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	- Các thành phố trực thuộc trung ương và thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 15.000.000 đồng/giấy.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày

				<p>- Khu vực khác: 10.000.000 đồng/giấy.</p> <p>07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
19	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	<p>Không quy định</p> <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số</p>

					<p>điều của Luật Di sản văn hóa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa -Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
20	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL.

21	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
22	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ VHTT hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
23	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và

					<p>Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
24	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Trong thời hạn Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
26	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

	định cỡ vật	hợp lệ			<p>đi sản văn hóa số 32/2009/QH12;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
27	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
28	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề đã hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc với chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12;

	tích	hợp lệ			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL.
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đã hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc với Giấy chứng nhận bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
31	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở

					<p>hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
32	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
33	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12;</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
34	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
35	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
36	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP;

	đình	hợp lệ			<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
II. Lĩnh vực thể dục thể thao					
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Billiards & Snooker	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn billiards &

					<p>snooker;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố Thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thể dục thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Thể dục thể hình và Fitness	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối

					<p>với môn Thể dục thể hình và Fitness;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Võ đạo thể thao giải trí	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Bơi, lặn	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, lặn;

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND;
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
6	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền, Vovinam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam;

					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Quần vợt	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Thể dục thẩm mỹ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL;

					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Dù lượn và môn Điều bay	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay. - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND;
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Quyền anh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND;

					- Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
11	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Taekwondo	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	- Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 10/2017/TT - BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu đối với môn Lân Sư Rồng.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	- Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị với môn Lân Sư Rồng; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.

13	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu đối với môn Judo	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Bóng bàn	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn chuyên môn đối với môn Bóng bàn; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND;
15	Cấp giấy chứng	Trong thời hạn 07	Bộ phận tiếp nhận	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao;

	nhận đủ điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động tập luyện và thi đấu môn Cầu lông	ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	và trả kết quả		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
16	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Patin	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP;

	kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Karate.	theo quy định			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bán súng thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 06/2014/TT - BVHTTDL ngày 04/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bán súng thể thao; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
19	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT;

	thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Bóng đá				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL ngày 10/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Bóng đá; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
20	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 11/2016/TT - BVHTTDL ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu Yoga; - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
21	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.500.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể

	môn Golf				<p>thao và Du lịch quy định về điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Thông tư 17/2017/TT - BTTTT; - Thông tư 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.250.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.250.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT - BTTTT;

	trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng				<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND; - Quyết định số 2516/QĐ-UBND.
--	---	--	--	--	---

III. Lĩnh vực du lịch

1	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3.000.000 đồng/ Giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ
---	--	--	----------------------------------	---------------------------	---

					<p>tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL ngày 13/4/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung và TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
2	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.500.000 đồng/ Giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
3	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.000.000 đồng/ Giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
4	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;

	doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	<p>sơ hợp lệ.</p> <p>- Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.</p>			- Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
5	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa,</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14;</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.</p>

		Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.			
6	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
7	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trong thời hạn 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3.000.000 đồng/ giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.

		gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.			
8	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.500.000 đồng/ giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
9	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.500.000 đồng/ giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
10	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận	1.500.000 đồng/	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

	<p>phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*.</p> <p>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước</p>	<p>và trả kết quả</p>	<p>giấy phép</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
--	---	--	-----------------------	------------------	--

		ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.			
11	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.500.000 đồng/ giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
12	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
13	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	650.000 đồng/ thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
14	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 4	650.000 đồng/ thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC;

					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
15	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	650.000 đồng/ thẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
16	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; - 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
17	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	200.000 đồng/ thẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
18	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.

	hướng dẫn viên du lịch quốc tế				
19	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	-1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao; - 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 2292/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 8 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn Quốc gia; - Quyết định số 4095/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn Quốc gia; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
20	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.000.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.

21	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.000.000 đồng/ hồ sơ.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
22	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
23	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.
24	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.000.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 1333/QĐ-BVHTTDL.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
----	------------------------	---------------------	--------------------	----------------------	----------------

1	Cấp Giấy phép kinh doanh Karaoke	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy; - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy. <p>Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.</p> <p>Tại khu vực khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy; - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy. <p>Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
---	----------------------------------	---	--	--	--

					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên băng rôn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết

					<p>và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định 181/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định về quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.</p>
3	Xác định về vị trí dựng bảng quảng cáo ngoài phạm vi (khuôn viên) của dự án (đối với trường hợp dựng bảng quảng cáo trên đất công)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND.</p>
4	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân (thư viện có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<p>- Pháp lệnh thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000;</p> <p>- Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thư viện;</p> <p>- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng;</p> <p>- Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ</p>

					<p>các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.</p>
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của</p>

					<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20/02/2015.</p> <p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân	Không quy định	<p>- Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL;</p>

	trợ nạn nhân bạo lực gia đình	hợp lệ	cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
7	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
8	Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
10	Đổi Giấy chứng	Trong thời hạn 20	Bộ phận tiếp nhận	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP;

nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT; - Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL.
--	--	--	--	--

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân (thư viện có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000; - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thư viện; - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả

					<p>kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
2	Công nhận gia đình văn hóa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	<p>- Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương;</p> <p>- Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương;</p>

3	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao; - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.
---	-------------------------------------	---	---	----------------	---